

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐÓNG TIỀN HỌC PHÍ - HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023 - 2024

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	Lớp	MLHP	Tên học phần	Ghi chú
1	2258420116	POCH	LALIN	06/01/2002	22ĐHKL01	011100059902	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
2	2258420117	Koam	Sonita	18/11/2001	22ĐHKL01	011100059902	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
3	2331710128	KHOM	SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	011100004905	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
4	2331710128	KHOM	SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
5	2331710128	KHOM	SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	011100059903	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
6	2331710128	KHOM	SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	011100003003	Sân bay	Lào -Cam
7	2331710128	KHOM	SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
8	2331710128	KHOM	SOCHEATA	12/12/2004	23ĐHKL03	010100000316	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
9	2331710129	MOM	SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	011100004905	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
10	2331710129	MOM	SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
11	2331710129	MOM	SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	011100059903	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
12	2331710129	MOM	SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	011100003003	Sân bay	Lào -Cam
13	2331710129	MOM	SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
14	2331710129	MOM	SOMAYUDA	09/03/2002	23ĐHKL03	010100000316	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
15	2331710130	KOAM	SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	011100004905	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
16	2331710130	KOAM	SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
17	2331710130	KOAM	SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	011100059903	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
18	2331710130	KOAM	SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	011100003003	Sân bay	Lào -Cam
19	2331710130	KOAM	SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	010100000316	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
20	2331710130	KOAM	SOMANIKA	20/05/2004	23ĐHKL03	010100008304	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
21	2331710132	SEANG	SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	011100004905	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
22	2331710132	SEANG	SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	011100059903	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
23	2331710132	SEANG	SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
24	2331710132	SEANG	SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	011100003003	Sân bay	Lào -Cam
25	2331710132	SEANG	SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
26	2331710132	SEANG	SORIYA	20/08/2002	23ĐHKL03	010100000316	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
27	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	011100004905	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
28	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
29	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	011100059903	Khí động lực học cơ bản	Lào -Cam
30	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	011100003003	Sân bay	Lào -Cam
31	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
32	2331710133	LY	GAIKSORNG	03/04/1996	23ĐHKL03	010100000316	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
33	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
34	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	011100004906	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
35	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
36	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	010100000302	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
37	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	011100064003	Kỹ thuật điện	Lào -Cam
38	2331520148	YUOS	PISETH	10/02/2004	23ĐHKT03	011100051705	Toán cơ sở	Lào -Cam

39	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
40	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	011100004906	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
41	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
42	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	010100000302	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
43	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	011100064003	Kỹ thuật điện	Lào -Cam
44	2331520149	NOV	VATANA	20/11/2003	23ĐHKT03	011100051705	Toán cơ sở	Lào -Cam
45	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	Lào -Cam
46	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
47	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	011100004906	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
48	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	010100000302	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
49	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	011100064003	Kỹ thuật điện	Lào -Cam
50	2331520150	MAO	LYHOUR	27/03/2003	23ĐHKT03	011100051705	Toán cơ sở	Lào -Cam
51	2331520151	PHORN	SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	011100074606	Triết học Mác Lênin	Lào -Cam
52	2331520151	PHORN	SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	011100004906	Nghiên cứu và thuyết trình	Lào -Cam
53	2331520151	PHORN	SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	010100000302	Pháp luật đại cương	Lào -Cam
54	2331520151	PHORN	SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	011100064003	Kỹ thuật điện	Lào -Cam
55	2331520151	PHORN	SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	011100051705	Toán cơ sở	Lào -Cam
56	2331720240	TOUWEST	SARA	04/08/2005	23ĐHNA05	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	Lào -Cam
57	2331520151	PHORN	SARAVUTH	27/12/2002	23ĐHKT03	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
58	2152210039	NGUYỄN TRẦN ANH	THỨ	18/12/2003	21ĐHNATM	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
59	2153410328	ĐỖ NHẬT	THÀNH	15/01/2003	21ĐHQTVT2	011100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
60	2258130103	Trần Hoàng Ái	Xuân	20/02/2004	22ĐHDL02	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
61	2255200051	QUÁCH VĨNH	TƯỜNG	31/08/2004	22ĐHKT02	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
62	2255200063	BÙI THỊ KIM	PHỤNG	27/07/2004	22ĐHKT02	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
63	2253440040	LÊ HUỖNH	HƯƠNG	07/10/2004	22ĐHNL01	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
64	2253440043	NGUYỄN PHƯƠNG	THÙY	03/11/2004	22ĐHNL01	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
65	2254810315	Đặng Công Phước	Thịnh	28/04/2004	22ĐHTT02	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
66	2254810319	NGUYỄN KHÁNH	HOÀNG	26/10/2004	22ĐHTT03	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
67	2254810163	LÊ HOÀNG	LONG	06/08/2004	22ĐHTT04	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
68	2254810187	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH	ĐOÀN	14/09/2004	22ĐHTT04	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
69	2254810321	Trịnh Nguyên	Khang	10/09/2004	22ĐHTT04	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
70	2254810208	LÊ TRONG NGHĨA	HÙNG	10/05/2004	22ĐHTT05	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
71	2254810224	Nguyễn Văn Quốc	Bôn	04/01/2004	22ĐHTT05	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
72	2254810266	LƯU HOÀNG MINH	HIỆU	01/05/2004	22ĐHTT06	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
73	2254810273	Đoàn Thạch Hồ	Anh	21/02/2004	22ĐHTT06	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
74	2254810275	Trần Phương	Uyên	14/10/2004	22ĐHTT06	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
75	2254810277	Đặng Quang	Phúc	23/12/2004	22ĐHTT06	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
76	2254810279	BÙI KHÁNH	MINH	09/10/2004	22ĐHTT06	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
77	2254810288	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	18/04/2004	22ĐHTT06	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
78	2254810291	NGUYỄN ĐOÀN MINH	THƯỜNG	28/11/2004	22ĐHTT06	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
79	2341820022	Cao Minh	Huy	12/08/2003	23CĐKL01	030100059202	Giáo dục thể chất	
80	2341820023	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/09/2005	23CĐKL01	030100059202	Giáo dục thể chất	

81	2341810010	Cao Phương Nhã	Trúc	17/03/2005	23CDTM01	030100059201	Giáo dục thể chất	
82	2341810014	Nguyễn Thanh	Vân	12/09/2004	23CDTM01	030100059201	Giáo dục thể chất	
83	2341810038	Nguyễn Phạm Thanh	Tâm	10/12/2005	23CDTM01	030100059201	Giáo dục thể chất	
84	2341810047	Huỳnh Hoài	Phông	25/03/2005	23CDTM01	030100059201	Giáo dục thể chất	
85	2341810057	Hồ Nguyễn Hoàng	Kim	30/07/2004	23CDTM01	030100059201	Giáo dục thể chất	
86	2334330032	Trần Thanh	Nhã	15/11/2005	23ĐAQT01	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
87	2334330032	Trần Thanh	Nhã	15/11/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
88	2334330042	Nguyễn Mạnh	Khôi	26/02/2005	23ĐAQT01	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
89	2334330042	Nguyễn Mạnh	Khôi	26/02/2005	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
90	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	03/06/2004	23ĐAQT01	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
91	2334330044	Võ Huỳnh	Linh	03/06/2004	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
92	2334330046	Trương Văn	Thanh	04/12/2004	23ĐAQT01	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
93	2334330046	Trương Văn	Thanh	04/12/2004	23ĐAQT01	010100152601	Principles of Business Statistics	
94	2331730027	TRẦN KIM	NGÂN	04/09/2005	23ĐHDL01	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
95	2331730034	TRẦN KHÁ	VY	04/02/2005	23ĐHDL01	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
96	2331730042	ĐỖ HOÀNG HIẾU	NGHI	01/08/2005	23ĐHDL01	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
97	2331730087	PHẠM THỊ THÚY	VY	27/08/2005	23ĐHDL02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
98	2331730119	ĐỖ QUỐC	VIỆT	29/10/2005	23ĐHDL02	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
99	2331730121	ĐẶNG NGỌC	PHÚT	19/04/2005	23ĐHDL02	010100008304	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
100	2331730130	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	11/12/2005	23ĐHDL03	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
101	2331730131	Nguyễn Phụng Tường	Vân	21/05/2005	23ĐHDL03	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
102	2331730139	LÊ HOÀNG BÍCH	THY	13/02/2005	23ĐHDL03	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
103	2331730154	Lê Ngọc Tường	Vân	11/04/2004	23ĐHDL03	011100008303	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
104	2331730155	LƯU HOÀNG	ĐỨC	04/09/2004	23ĐHDL03	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
105	2331510028	ĐỖ TIẾN	MINH	01/01/2005	23ĐHĐT01	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
106	2331510056	Phạm Việt	Hòa	01/01/2005	23ĐHĐT01	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
107	2331510060	NGUYỄN VĂN	THÁI	13/08/2005	23ĐHĐT01	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
108	2331510064	PHẠM BẢO	ĐĂNG	30/06/2005	23ĐHĐT01	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
109	2331510069	Phạm Nhật	Mỹ	16/03/2005	23ĐHĐT01	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
110	2331510071	Hoàng Thị Kiều	Trình	26/06/2004	23ĐHĐT01	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
111	2331710028	Lê Nguyễn Huy	Hoàng	19/08/2005	23ĐHKL01	011100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
112	2331710096	VÕ NGỌC THỰC	NGHI	13/09/2005	23ĐHKL02	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
113	2331710020	NGUYỄN TẤN	HÙNG	22/12/2005	23ĐHKL03	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
114	2331520058	TRẦN QUỐC	BẢO	25/11/2005	23ĐHKT01	011100008303	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
115	2331520067	Ngô Văn	Huy	15/11/2005	23ĐHKT02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
116	2331520068	ĐỒNG VĂN	PHÚ	08/02/2005	23ĐHKT02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
117	2331520076	LÊ VĂN	NGHĨA	18/01/2005	23ĐHKT02	010100008304	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
118	2331520095	TRẦN HOÀI	NAM	09/02/2005	23ĐHKT02	011100008305	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
119	2331520096	Đinh Phạm Quang	Trí	17/08/2004	23ĐHKT02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
120	2331520099	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	30/06/2005	23ĐHKT02	011100008307	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
121	2331520101	ĐINH GIA	HUY	24/01/2005	23ĐHKT02	011100008301	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
122	2331520109	Bùi Hoàng	Huy	28/07/2005	23ĐHKT02	011100008303	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	

123	2331520094	NGUYỄN TẤN	THÀNH	21/03/2005	23ĐHKT03	011100008303	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
124	2331520129	TRƯƠNG HUYNH	HƯƠNG	20/06/2005	23ĐHKT03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
125	2331520137	PHAN TRẦN LAN	VI	28/11/2005	23ĐHKT03	010100008302	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
126	2331520144	LÊ TRONG BẢO	DUY	21/06/2005	23ĐHKT03	010100008304	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
127	2331520156	HỒ CÔNG	DANH	29/03/2005	23ĐHKT03	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
128	2331520157	Tăng Thế Tuấn	Kiệt	01/06/2005	23ĐHKT03	011100008308	Giáo dục thể chất-Võ cổ truyền VN	
129	2331740002	ĐINH VĂN HOÀNG	VŨ	22/09/2005	23ĐHKV01	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	
130	2331740007	TRINH MINH	KHÔI	14/10/2005	23ĐHKV01	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
131	2331740032	TRẦN THUY	TRANG	26/10/2005	23ĐHKV01	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	
132	2331740036	ĐỖ TIẾN	THÀNH	04/09/2005	23ĐHKV01	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	
133	2331740281	NGUYỄN PHẠM DUY	NHẤT	31/10/2005	23ĐHKV01	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	
134	2331740059	TRẦN ĐỨC	THÔNG	05/04/2005	23ĐHKV02	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
135	2331740060	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	MƠ	29/01/2005	23ĐHKV02	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
136	2331740067	NGUYỄN TRỌNG	NINH	14/12/2005	23ĐHKV02	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
137	2331740092	Mai Thị Thùy	Dung	06/08/2005	23ĐHKV02	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
138	2331740096	Nguyễn Hồng	Phúc	22/01/2005	23ĐHKV02	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
139	2331740099	Phạm Đại	Dũy	14/06/2005	23ĐHKV02	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
140	2331740286	ĐOÀN NGUYỄN THẢO	QUYẾN	22/07/2004	23ĐHKV02	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
141	2331740130	ĐẶNG LƯƠNG HẢI	ANH	19/07/2005	23ĐHKV03	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
142	2331740146	TRƯƠNG LƯƠNG THÁI	HÀ	27/01/2005	23ĐHKV03	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
143	2331740151	TRƯƠNG ĐÌNH THIÊN	PHÚC	27/12/2005	23ĐHKV03	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
144	2331740158	TRƯƠNG VŨ NGỌC	LOAN	21/07/2005	23ĐHKV03	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	
145	2331740287	PHẠM THỊ THUY	DUNG	02/01/2005	23ĐHKV03	010100023311	Giáo dục thể chất-Aerobic	
146	2331740190	Trương Nguyễn	Nhi	14/06/2005	23ĐHKV04	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	
147	2331740197	Trần Thanh	Phúc	30/03/2005	23ĐHKV04	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	
148	2331740241	NGÔ NGUYỄN TUẤN	MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100074610	Triết học Mác Lênin	
149	2331740241	NGÔ NGUYỄN TUẤN	MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100000304	Pháp luật đại cương	
150	2331740241	NGÔ NGUYỄN TUẤN	MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100010410	Kinh tế vi mô	
151	2331740241	NGÔ NGUYỄN TUẤN	MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100010705	Nguyên lý kế toán	
152	2331740241	NGÔ NGUYỄN TUẤN	MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100080805	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	
153	2331740241	NGÔ NGUYỄN TUẤN	MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	
154	2331740241	NGÔ NGUYỄN TUẤN	MINH	04/07/2005	23ĐHKV05	010100109301	Địa lý vận tải	
155	2331740252	TRINH THU	NGA	03/02/2005	23ĐHKV05	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
156	2331720029	LÊ HOÀNG MẠNH	HIẾU	25/07/2005	23ĐHNA01	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
157	2331720034	HỒ THANH	LÂM	11/09/2005	23ĐHNA01	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
158	2331720043	ĐINH KIM	NGỌC	18/06/2005	23ĐHNA01	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
159	2331720049	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	NY	15/08/2005	23ĐHNA01	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
160	2331720422	Trần Thiên	Thư	11/01/2005	23ĐHNA01	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
161	2331720425	Nguyễn Thị Phương	Thảo	16/07/2005	23ĐHNA01	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
162	2331720061	TRIỆU VŨ LIÊM	HÂN	27/10/2005	23ĐHNA02	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
163	2331720063	NGUYỄN ĐỨC	ANH	08/02/2005	23ĐHNA02	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	
164	2331720066	PHẠM HỒNG	ANH	11/03/2005	23ĐHNA02	010100023306	Giáo dục thể chất-Aerobic	

165	2331720069	ĐẶNG PHẠM KHÁNH	NGỌC	04/11/2004	23ĐHNA02	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
166	2331720162	TRẦN THỊ Y	PHỤNG	08/03/2005	23ĐHNA03	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
167	2331720405	Trần Hồng	Hân	20/08/2005	23ĐHNA03	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
168	2331720186	NGUYỄN NGỌC	YẾN	24/08/2005	23ĐHNA04	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
169	2331720408	Nguyễn Phương Thanh	Vy	04/07/2005	23ĐHNA04	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
170	2331720440	Ngô Nguyễn Hiền	Trang	18/11/2005	23ĐHNA04	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
171	2331720464	Lê Thị Hoài	Yến	01/01/2005	23ĐHNA04	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
172	2331720250	VÕ NGUYỄN MỸ	KIM	07/11/2005	23ĐHNA05	010100023312	Giáo dục thể chất-Aerobic	
173	2331720254	TRƯƠNG ĐÀO ÁNH	NHƯ	22/08/2005	23ĐHNA05	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
174	2331720265	Phạm Thị Như	Thùy	21/11/2005	23ĐHNA05	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
175	2331720413	LÝ NGUYỄN MINH	HUY	01/12/2005	23ĐHNA05	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
176	2331720293	NGUYỄN LÝ YẾN	VY	27/05/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
177	2331720317	NGUYỄN TRỌNG MINH	THÔNG	06/12/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
178	2331720321	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	05/11/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
179	2331720325	Nguyễn Việt	Hùng	10/05/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
180	2331720326	Trần Nguyễn Thiên	Thanh	27/11/2005	23ĐHNA06	010100023307	Giáo dục thể chất-Aerobic	
181	2331720330	Bạch Duy	Nguyên	19/05/2005	23ĐHNA06	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
182	2331720334	Phạm Lê Minh	Thư	08/08/2005	23ĐHNA06	010100023309	Giáo dục thể chất-Aerobic	
183	2331720353	Phạm Duy	Tiến	25/11/2005	23ĐHNA07	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
184	2331720360	Nguyễn Thị Phương	Anh	12/05/2005	23ĐHNA07	010100023302	Giáo dục thể chất-Aerobic	
185	2331720368	Hồ Lê Nhật	An	19/04/2005	23ĐHNA07	010100023308	Giáo dục thể chất-Aerobic	
186	2331720376	Nguyễn Trần Minh	Anh	18/01/2005	23ĐHNA07	010100023305	Giáo dục thể chất-Aerobic	
187	2331720377	Phạm Thiên	Phúc	19/08/2005	23ĐHNA07	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
188	2331720387	Nguyễn Phúc Hoàng	Long	02/02/2005	23ĐHNA07	010100023310	Giáo dục thể chất-Aerobic	
189	2331720455	Nguyễn Huyền	Trần	10/05/2005	23ĐHNA07	010100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	
190	2331320071	Lê Như	Quỳnh	03/07/2004	23ĐHNL02	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
191	2331320095	TRẦN THƯ	KỶ	23/01/2005	23ĐHNL02	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
192	2331320129	ĐẶNG TRẦN YẾN	VY	01/04/2005	23ĐHNL03	010100002215	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
193	2331320142	TRỊNH LÊ TUẤN	ANH	13/01/2005	23ĐHNL03	010100002215	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
194	2331320147	NGUYỄN MỸ	ANH	19/12/2005	23ĐHNL03	010100002215	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
195	2331320164	NGUYỄN KHÁNH	LY	27/08/2005	23ĐHNL03	010100002215	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
196	2331320174	VÕ BẢO	NGỌC	03/06/2005	23ĐHNL03	010100002215	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
197	2331320201	NGUYỄN THỊ ÁI	MY	13/12/2005	23ĐHNL03	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
198	2331320049	Nguyễn Anh	Thư	01/03/2005	23ĐHNL04	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
199	2331320182	TRẦN NGUYỄN VŨ	TÀI	17/06/2005	23ĐHNL04	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
200	2331530095	Mai Nguyễn Thuý	Vi	23/09/2005	23ĐHNL04	010100002208	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
201	2331310095	PHAN THỊ LAN	ANH	25/09/2005	23ĐHQT02	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
202	2331310529	Lê Phương	Uyên	09/03/2005	23ĐHQT02	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
203	2331310530	Nguyễn Võ Ngân	Hà	21/07/2004	23ĐHQT02	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
204	2331310150	PHẠM TRẦN CHÍ	HƯNG	29/11/2005	23ĐHQT03	010100002207	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
205	2331310157	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	03/02/2005	23ĐHQT03	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
206	2331310570	Huỳnh Thị Phương	Thảo	18/06/2005	23ĐHQT03	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	

207	2331310571	Nguyễn Phan Minh	Hạnh	27/12/2005	23ĐHQT03	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
208	2331310595	PHÙNG MAI	CHANG	16/12/2005	23ĐHQT03	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
209	2331310191	NGUYỄN THỊ UYÊN	NHI	13/04/2005	23ĐHQT04	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
210	2331310192	NGUYỄN MINH	QUANG	15/01/2005	23ĐHQT04	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
211	2331310218	NGUYỄN GIANG	NAM	02/09/2005	23ĐHQT04	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
212	2331310221	NGUYỄN TRẦN ANH	NGUYỄN	23/10/2005	23ĐHQT04	010100002202	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
213	2331310598	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	25/10/2005	23ĐHQT04	010100002211	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
214	2331310247	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	VY	05/01/2005	23ĐHQT05	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
215	2331310313	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	02/08/2005	23ĐHQT06	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
216	2331310343	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG TRÂM		05/08/2005	23ĐHQT06	010100002204	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
217	2331310346	VÕ THANH	TUYẾN	19/10/2005	23ĐHQT06	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
218	2331310350	NGÔ HUYỀN	DIỆU	13/10/2004	23ĐHQT06	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
219	2331310353	LÊ ĐỖ HOÀNG	ĐỒNG	14/11/2005	23ĐHQT07	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
220	2331310359	NGUYỄN HOÀNG HẢI	YẾN	03/10/2005	23ĐHQT07	010100002211	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
221	2331310361	LƯU NGỌC PHƯƠNG	THẢO	29/08/2005	23ĐHQT07	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
222	2331310371	TRẦN NHƯ NGỌC	NGA	27/05/2005	23ĐHQT07	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
223	2331310382	NGUYỄN MỸ QUYNH	TRÂM	17/08/2005	23ĐHQT07	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
224	2331310389	PHẠM TUẤN	KHOA	17/01/2005	23ĐHQT07	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
225	2331310394	DƯƠNG GIA	ANH	21/09/2005	23ĐHQT07	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
226	2331310396	NGUYỄN HẢI	LÂM	04/11/2005	23ĐHQT07	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
227	2331310399	TỔ HỒNG	ANH	26/02/2005	23ĐHQT07	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
228	2331310406	Võ Đức Anh	Nam	25/12/2004	23ĐHQT07	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
229	2331310539	Nguyễn Minh Hải	Trúc	09/01/2005	23ĐHQT07	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
230	2331310604	Bùi Thị Trần	Uyên	11/05/2005	23ĐHQT07	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
231	2331310418	HOÀNG	LAN	28/10/2005	23ĐHQT08	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
232	2331310437	NGUYỄN HỒNG	ANH	19/01/2005	23ĐHQT08	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
233	2331310443	NGUYỄN MINH CHÍ	HẢO	12/08/2005	23ĐHQT08	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
234	2331310444	TRẦN LÝ THU	NGÂN	06/01/2005	23ĐHQT08	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
235	2331310452	NGUYỄN MINH	MÃN	14/10/2005	23ĐHQT08	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
236	2331310456	LÊ ANH	THƯ	21/01/2005	23ĐHQT08	010100002205	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
237	2331310549	Lưu Huỳnh Vương	Tỷ	15/02/2002	23ĐHQT08	010100002210	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
238	2331310472	Thạch Thị Kim	Xuyến	28/03/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
239	2331310473	ĐÌNH NAM	DU	23/10/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
240	2331310482	Nguyễn Duy Quang	Thắng	14/08/2005	23ĐHQT09	010100002206	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
241	2331310483	Phan Khả	Hân	25/01/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
242	2331310495	Ngô Hồ Phương	Thy	02/11/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
243	2331310501	Lưu Thanh	Tú	11/01/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
244	2331310503	Lưu Nguyễn Minh	Trí	18/02/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
245	2331310521	Nguyễn Văn	Nam	19/05/2005	23ĐHQT09	010100002213	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
246	2331310523	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	01/01/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
247	2331310528	Đỗ Thế	Vương	16/06/2005	23ĐHQT09	010100002214	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	
248	2331310588	Trương Tuyết	Nhi	23/01/2005	23ĐHQT09	010100002212	Giáo dục thể chất-bóng chuyền	

249	2331530011	ĐỖ DƯƠNG THỊ THANH	NGÂN	30/10/2005	23ĐHTĐ01	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
250	2331530021	ĐỖ MẠNH	HƯNG	12/05/2005	23ĐHTĐ01	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
251	2331530022	Phạm Thiên	Lộc	01/04/2005	23ĐHTĐ01	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
252	2331530034	Đoàn Gia	Bảo	22/11/2005	23ĐHTĐ01	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
253	2331530035	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	30/06/2005	23ĐHTĐ01	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
254	2331530038	Nguyễn Hoàng	Minh	01/09/2005	23ĐHTĐ01	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
255	2331530053	Lê Nguyễn Triệu	Vy	14/09/2005	23ĐHTĐ02	010100002020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
256	2331530067	CÁP HỮU	VINH	10/04/2005	23ĐHTĐ02	011100002001	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
257	2331530068	Trần Đức	Thiện	02/01/2004	23ĐHTĐ02	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
258	2331530074	Lê Đình Hoàng	Vũ	14/08/2005	23ĐHTĐ02	011100002001	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
259	2331530083	Nguyễn Công	Trường	09/06/2005	23ĐHTĐ02	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
260	2331530088	Lê Huỳnh Quốc	Thái	06/05/2005	23ĐHTĐ02	011100002002	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
261	2331530099	Lù Hiền	Nhân	06/05/2005	23ĐHTĐ02	011100002001	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
262	2331540002	GIANG VẠN	LỘC	24/12/2005	23ĐHTT01	010100002009	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
263	2331540005	TỔ THÁI	BÌNH	15/03/2005	23ĐHTT01	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
264	2331540037	HÀ ANH	KHOA	17/08/2005	23ĐHTT01	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
265	2331540064	TRỊNH VŨ ANH	HÙNG	29/11/2005	23ĐHTT02	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
266	2331540073	HOÀNG ĐÌNH	KHÁI	08/10/2005	23ĐHTT02	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
267	2331540141	TRẦN PHẠM MINH	ĐỨC	14/02/2005	23ĐHTT03	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
268	2331540156	Nguyễn Đoàn Mạnh	Tuấn	26/09/2005	23ĐHTT03	010100002020	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
269	2331540164	NGUYỄN THÀNH	KIỆT	04/03/2005	23ĐHTT03	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
270	2331540193	Đào Lê Ngọc	Anh	15/10/2005	23ĐHTT04	010100002009	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
271	2331540203	HÀ VÕ HOÀNG	ANH	18/06/2005	23ĐHTT04	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
272	2331540205	NGUYỄN HOÀNG THÁI	BẢO	20/12/2005	23ĐHTT04	010100002010	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
273	2331540214	Bạch Công	Minh	19/10/2005	23ĐHTT04	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
274	2331540218	VŨ HUY	HOÀNG	29/09/2005	23ĐHTT04	010100002017	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
275	2331540226	Nguyễn Thế	Minh	02/02/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
276	2331540244	Nguyễn Đình Đức	Duy	03/05/2005	23ĐHTT05	010100002018	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
277	2331540245	Đỗ Ngọc	Dũng	08/07/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
278	2331540254	Đồng Duy	Thuận	26/05/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
279	2331540272	Lê Đức	Bảo	29/08/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
280	2331540278	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	22/01/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
281	2331540279	Đào Đức	Anh	24/08/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
282	2331540299	Nguyễn Văn	Lâm	29/06/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	
283	2331540300	Vũ Long	Bảo	02/01/2005	23ĐHTT05	010100002011	Giáo dục thể chất-bóng rổ	

PHÒNG ĐÀO TẠO